

Phụ lục I

DỰ KIẾN CÁC MỤC TIÊU CHỈ TIÊU VÀ NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2026-2030, VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày 08/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tây

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch GD 2026-2030				DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2026									
		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2026-2030 (%)	Giai đoạn 2026-2030				
											NSTW			NSDP	
		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/t hôn, bản...)	Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/th ôn, bản...)		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	472		4.315		97		932		159	7.222.500	10.500	7.212.000	1.083.375	1.575
1	Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở (Vốn SN)	0													
2	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở (Vốn SN)	0													
3	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (Vốn SN)	5	công trình	1200	công trìn	1	15	300	15	100	3.600.000	0	3.600.000	540.000	0
+	Hỗ trợ đất sản xuất														
+	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	60	lớp	1200	lớp	15	lớp	300	người	25	3.600.000	0	3.600.000	540.000	0
4	Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt														
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (Vốn SN)	400	công trình	1600	người	80	công trình	320	người	20	12.000	0	12.000	1.800	
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung (Vốn ĐT)	7	công trình	315	Hộ	1	công trình	12	Hộ	14,29	10.500	10.500	0	1.575	1.575
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	13	công trình	225	hộ	3	công trình	75	hộ	53,333	113000	113000	0	16950	16950
-	Dự án ĐCĐC tập trung	3	công trình	75	hộ	1	công trình	45	hộ	33,33	105.000	105.000	0	15.750	15.750
-	Dự án ĐCĐC xem ghép	10	công trình	150	hộ	2	công trình	30	hộ	20	8.000	8.000	0	1.200	1.200
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	12	Dự án/mô hình	36	Doanh nghiệp/hộ	4	Dự án/mô hình	32	Doanh nghiệp/hộ	66,67	24000	0	24000	3600	0
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	0		0							0				
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	6	dự án	6	Doanh nghiệp	2	dự án	2	Doanh nghiệp	33,33	12000		12.000	1800	0

-	- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	3	dự án	3	Doanh nghiệp	1	dự án	1	Doanh nghiệp	33,33	6.000		6.000	900	0
	- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	3	dự án	3	Doanh nghiệp	1	dự án	1	Doanh nghiệp	33,33	6.000		6.000	900	0
	- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	0													
3	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng DTTS&MN	6	Mô hình	30	hộ	2	Mô hình	30	Doanh nghiệp	33,33	12.000		12.000	1.800	0
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	22	công trình	620	hộ/người	9	công trình	260	hộ/người	40,91	38600	38600	0	5790	5790
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	18	công trình	540	hộ	8	công trình	240	hộ	44,44	30.600	30.600	0	4.590	4.590
2	Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc	4	công trình	80	người	1	công trình	20	người	25,00	8.000	8.000	0	1.200	1.200
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	70		1475		14		295		80	25600	20000	5600	3840	3000
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	5	công trình	75	người	1	công trình	15	người	20,00	20.000	20.000	0	3.000	3.000
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	5	lớp	200	người	1	lớp	40	người	20,00	600	0	600	90	0
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	50	lớp	1000	người	10	lớp	200	người	20,00	3.000	0	3.000	450	0
4	Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	10	lớp	200	người	2	lớp	40	người	20,00	2.000	0	2.000	300	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	5	Công trình/hoạt động	300	người	1	hoạt động	60	người	20	4.500	2.000	2.500	675	300
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10	hoạt động	200	người	2	hoạt động	80	người	20	1.000		1.000	150	
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	20	hoạt động	200	người	4	hoạt động	40	người	20	100		100	15	

IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	100	Mô hình/hoạt động	3700	hộ/người	20	Mô hình/hoạt động	740	hộ/người	40	48000	0	48000	7200	0
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	70	Mô hình/hoạt động	700	hộ	14	Mô hình	140	người	20	42.000		42.000	6.300	
2	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.	30	hoạt động	3000	người	6	hoạt động	600	người	20	6.000		6.000	900	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	25	Công trình/hoạt động	2570	Người/lượt	8	Công trình/hoạt động	1264	Người/lượt	0,32	4500	2000	2500	675	300
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG	5	hoạt động	60	người	1	hoạt động	12	người	20	500		500	75	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	10	công trình	2500	người	5	công trình	1250	người	50,00	2.000	2.000	0	300	300
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT	10	hoạt động	10	lượt	2	hoạt động	2	lượt	20	2.000		2.000	300	
	Tổng cộng	749		13.641		162	#VALUE!			501	7.481.800	186.100	7.295.700	1.122.270	27.915

NĂM 2026

BẢO DTTS&MN

Hạ)

Đơn vị tính: triệu đồng

DỰ KIẾN KINH PHÍ									Ghi chú
		Năm 2026							
	Vốn huy động	NSTW			NSDP			Vốn huy động	
Vốn SN		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		
1.081.800	0	1.803.400	1.000	1.802.400	270.510	150	270.360		
540.000	0	900.000	0	900.000	135.000	0	135.000	0	
540.000	0	900.000	0	900.000	135.000	0	135.000	0	
1.800	0	2.400	0	2.400	360	0	360	0	
0	0	1.000	1.000	0	150	150	0	0	
0	0	31600	31600	0	4740	4740	0	0	
0	0	30.000	30.000	0	4.500	4.500	0	0	
0	0	1.600	1.600	0	240	240	0	0	
3600	0	24000	0	24000	3600	0	3600	0	
		0							
1800	0	12000		12.000	1800	0	1800	0	

900	0	6.000		6.000	900	0	900	0	
900	0	6.000		6.000	900	0	900	0	
0				0					
1800	0	12.000		12.000	1.800	0	1.800	0	
0	0	15600		0	2340	2340	0	0	
0	0	13.600	13.600	0	2.040	2.040	0	0	
0	0	2.000	2.000	0	300	300	0	0	
840	0	8840	8000	840	1326	1200	126	0	0
0	0	8.000	8.000	0	1.200	1.200	0	0	
90	0	120	0	120	18	0	18	0	
450	0	600	0	600	90	0	90	0	
300		120		120	18		18		
375	0	500	0	500	75	0	75		
150		10		10	2		2		
15		20		20	3		3		

7200	0	9600	0	9600	1440	0	1440		
6.300		8.400		8.400	1.260		1.260		
900		1.200		1.200	180		180		
375	0	500	0	500	75	0	75	0	
75		100		100	15		15		
0	0	0	0	0	0	0	0		
300	0	400		400	60	0	60		
1.094.355	0	1.894.070	40.600	1.837.870	284.111	8.430	275.681	0	0

Phụ lục 2

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

HƯỚNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày 08/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tây Hạ)

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 -			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSTW	NS tỉnh	
1	2		4	5	6	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG					178.703	160.358	18.345	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					9.800	8.820	980	
	Nội dung: Công trình nước sinh hoạt tập trung					9.800	8.820	980	
01	Nâng cấp NSH xóm ông Diêm		xã Sơn Tây Hạ	12hộ	2026	800	720	80	
02	Nâng cấp NSH xóm ông Tú		xã Sơn Tây Hạ	29 hộ	2027	1.200	1.080	120	
03	Nâng cấp NSH xóm ông Miên		xã Sơn Tây Hạ	15 hộ	2028	1.000	900	100	
04	Nâng cấp NSH xóm ông Ngút		xã Sơn Tây Hạ	35 hộ	2028	1.400	1.260	140	
05	Nâng cấp NSH xóm ông Ngậy		xã Sơn Tây Hạ	21 hộ	2029	1.500	1.350	150	
06	Nâng cấp NSH xóm ông Tân		xã Sơn Tây Hạ	33 hộ	2029	1.400	1.260	140	
07	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm xã		xã Sơn Tây Hạ	155 hộ	2030	2.500	2.250	250	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					115.000	103.500	11.500	
01	Khu tái định cư tập trung Nước Lãng, Nước Kia		xã Sơn Tây Hạ	45 hộ	2026	30.000	27.000	3.000	
02	Điểm định canh, định cư xóm ông Ghành	C	xã Sơn Tây Hạ	4,6 ha	2026-2030	40.000	36.000	4.000	
03	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư (tái định canh, định cư tập trung) khu dân cư số 7, thôn Mang Rễ, xã Sơn Tây Hạ	C	xã Sơn Tây Hạ	47 hộ	2026-2030	45.000	40.500	4.500	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					33.703	29.695	4.008	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN					33.703	29.695	4.008	
01	Xây dựng đường lên thác Lụa, thôn Bà He	C	xã Sơn Tây Hạ	1500m	2026	5.003	4.350	653	
02	Đường điện 0,4Kv xóm ông Xoa, thôn Xà Ruông	C	nt	22 hộ	2026	3.000	2.700	300	
03	Xây dựng bờ kè chống sạt lở trụ sở làm việc UBND xã giai đoạn 2	C	nt	Khoảng g 60m	2026	2.500	2.250	250	
04	Nâng cấp Đập Ka Năng I	C	nt	10.35	2026	2.500	2.250	250	
05	Nâng cấp Đập Ka Ron	C	nt	1.96 ha	2027	900	810	90	
06	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải	C	nt	Khoảng	2027	1.000	900	100	
07	Xây dựng vườn Thuốc Nam	C	nt	Khoảng	2028	800	720	80	
08	Nâng cấp Đập Xà Ruông	C	nt	43.58	2030	3.500	3.150	350	
09	Đường BTXM vào khu sản xuất đập nước Beo, thôn Mang Rễ	C	Thôn Mang Rễ, xã Sơn Tây Hạ	L= 1.000 m	2026	1.400	1.190	210	
10	Đường BTXM vào khu sản xuất cánh đồng 21 ha, thôn Tà Ngàm	C	Thôn Tà Ngàm	L=1.500 m	2026	1.900	1.615	285	
11	Đường BTXM từ nhà ông Đình Kròa đến nhà ông Đình Văn Đập, thôn Tà Ngàm	C	Thôn Tà Ngàm	L=200 m	2026	1.100	935	165	
12	Nâng cấp Đài truyền thanh xã	C	xã Sơn Tây Hạ		2027	900	765	135	
13	Nâng cấp đập Nước Bu	C	Thôn Mang Trầy	Tưới 5 ha	2029	1.100	935	165	
14	Đường BTXM vào khu sản xuất thôn Mang Trầy	C	Thôn Mang Trầy	L= 1.000 m	2028	1.400	1.190	210	
15	Đường BTXM vào khu sản xuất cánh đồng nước La	C	Thôn Tà Ngàm	L=1.500 m	2028	1.900	1.615	285	
16	Kè chống sạt lở khu dân cư A Máy	C	xã Sơn Tây Hạ	120m	2026	3.000	2.700	300	
17	Trạm giao liên quân bưu số 8 (Trạm Chín Cô) xã Sơn Màu (cũ)	C	nt	0,1 ha	2029	700	630	70	
18	Đài tưởng niệm Liệt sỹ xã Sơn Màu (cũ)	C	nt	0,2ha	2030	1.100	990	110	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					16.000	14.545	1.455	

[illegible]